TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TĨNH GIA** TỈNH THANH HÓA	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 158/2017/HSST
Ngày: 13/12/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TĨNH GIA, TỈNH THANH HÓA

- Với thành phần hội đồng xét xử gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Bắc

+ *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Thế Anh và ông Mai Đức Danh

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký TAND huyện Tĩnh Gia

- *Đại diện VKSND huyện Tĩnh Gia tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Anh Đấu - CV: Kiểm sát viên

Ngày 13/12/2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 168/2017/HSST ngày 21/11/2017 đối với bị cáo:

Lê Lương T - Sinh ngày: 27/7/1977; Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; Nơi ở hiện nay: Thôn P, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 06/12; Con ông: Lê Lương Thành – Sinh năm 1946; Con bà: Nguyễn Thị Nhung – Sinh năm 1956; Vợ: Phạm Thị Liên – Sinh năm 1979; Có 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 19/7/2007, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội "Đánh bạc";

Ngày 18/8/2017 bị công an thành phố T khởi tố bị can bề tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06/7/2017 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Anh Nguyễn Văn H - Sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Nguyễn Văn G - Sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Tân Dân, xã Đ, TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

NHẬN THẤY:

Bị cáo Lê Lương T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Lê Lương T làm nghề thu mua và bán các loại phụ tùng máy và phụ tùng xe cơ giới. Để có tiền mua máy để bán, Tâm rủ anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1983, trú tại thôn T, xã Đ, TP. T, tỉnh Thanh Hóa góp vốn mua động cơ ô tô cũ để bán lại kiếm lời. Anh G đồng ý và góp với Tâm số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Chiều ngày 06/5/2017, anh G điều khiển xe ô tô BKS: 36A-229.60 chở T đến xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc để gặp anh Nguyễn Văn H để hỏi mua động cơ ô tô cũ. Đến nơi, anh G ngồi ngoài xe ô tô còn T trực tiếp gặp, bàn bạc, thỏa thuận với anh H. Hai bên thống nhất, anh H bán cho Tâm 02 động cơ ô tô cũ nhãn hiệu HiNo với giá là 76.000.000đ (Bảy mươi sáu triệu đồng). T đặt trước số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), số tiền còn lại 46.000.000đ và 4.000.000đ công vận chuyển khi nào anh H chở động cơ vào Thanh Hóa giao thì T sẽ thanh toán hết.

Khoảng 11 giờ ngày 07/5/2017, Tâm gọi điện bảo anh H chở hai động cơ ô tô vào Thanh Hóa để giao cho T. Anh H đồng ý. Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1984, trú tại Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc là người mà anh H thuê chở hai máy ô tô vào Thanh Hóa gọi điện cho T hỏi vị trí giao nhận. T bảo anh S chở vào huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Lúc này, T gọi điện cho một người tên H là mà người Tâm đã thỏa thuận bán lại hai chiếc máy ô tô mua của anh H nhưng lúc này anh H lại không đồng ý mua hai chiếc động cơ này nữa.

Sau khi nói chuyện với anh H, T cùng anh G đi xe ô tô BKS: 36A-229.60 vào huyện T đón anh S để nhận máy. Khi đến Gara ô tô N tại thôn 7, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, do có việc nên anh G điều khiển xe ô tô trở về thành phố T, còn T ở lại chờ anh S. Lúc này, do chưa tìm được người mua lại hai động cơ ô tô nên T không có tiền để thanh toán cho anh H nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt hai máy ô tô này. Nghĩ vậy, T gọi điện bảo anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1994 trú tại thôn T, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa vào huyện T để bán máy với T. Anh Q đồng ý.

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 07/5/2017, anh S điều khiển xe ô tô BKS: 14C-163.68 chở hai máy ô tô đến Gara ô tô N. Gặp nhau, T nói với anh S hạ hai máy ô tô xuống để kiểm tra nhưng anh S không đồng ý mà bảo T kiểm tra trực tiếp trên thùng xe, sau đó thanh toán 46.000.000đ (Bốn mươi sáu triệu đồng) mua máy còn lại thiếu và 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) công vận chuyển mới giao nhận máy. Mặc dù biết mình không có tiền nhưng T vẫn nói với anh

S rằng vợ mình đang cầm tiền ra để trả. Nghe vậy, anh S đồng ý, Tâm bảo anh Q thuê xe để cẩu hai máy ô tô xuống. Một lúc sau, anh Q thuê được chiếc máy cẩu BKS: 36C-140.79 do anh Lê Ngọc T, sinh năm 1979 trú tại xã Đ, TP. T, tỉnh Thanh Hóa điều khiển. Sau đó, T tiếp tục thuyết phục, tạo niềm tin với anh S để anh S đồng ý cho chuyển hai máy ô tô sang xe do anh Lê Ngọc T. T nói với anh Q và anh T đưa hai chiếc máy ô tô về xã Đ, thành phố T còn T vẫn ở lại với anh S. Sau đó, T gọi điện bảo anh G vào đón mình để đi bán hai chiếc động cơ, anh G đồng ý. Tâm nhờ anh S chở mình ra cây xăng N thuộc địa phận xã H, huyện T để đợi anh G đến đón.

Sau khi gặp nhau, T nhờ anh G chở mình về nhà lấy tiền. Lúc đầu, anh G không đồng ý nhưng sau đó, do vội về nên anh G đành chở T về, để anh S ở lại cây xăng N một mình. Trên đường về, anh G bảo với Tâm, nếu chưa bán được hai máy ô tô thì để anh G giữ, bảo quản, khi nào bán thì anh G sẽ lấy lại tiền góp vốn luôn. Tâm đồng ý. Sau đó, Anh G gọi điện bảo anh Q đem hai máy ô tô về kho bãi của Công ty lương thực Thanh Hóa tại xã Đ, thành phố T do ông Thiều Văn I trông giữ để gửi. Còn T, sau khi lấy được hai máy ô tô đã tắt máy và bỏ trốn khỏi địa phương để trốn tránh anh Nguyễn Văn H.

Tại kết luận định giá tài sản số 58/KLĐGTS ngày 10/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND huyện Tĩnh Gia kết luận: Tổng giá trị còn lại của hai máy ô tô HiNo là 57.000.000đ (Năm mươi bảy triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 113/CT-VKS-KSĐT ngày 11/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia đã truy tố Lê Lương T về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo khoản 1 Điều 140 của BLHS.

Căn cứ vào chứng cứ tài liệu thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ chứng cứ. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng: khoản 1 Điều 140, điểm p khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 41 và Điều 33 BLHS; Điểm a khoản 2 Điều 76 và Điều 99 BLTTHS; Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị xử phạt: Lê Lương T từ 18 đến 24 tháng tù. không xem xét phần bồi thường thiệt hại. Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, loại RM 1035, bên trong lắp sim điện thoại 0964.505.315, số Imei 1: 355772060147001, số Imei 2: 355772060147019. Buộc bị cáo phải chịu tiền án phí HSST.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận: Ngày 07/5/2017, tại khu vực thuộc xã Hải Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, Lê Lương T đã có hành vi lạm

dụng tín nhiệm chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn H 27.000.000đ giá trị còn lại của hai máy ô tô HiNo, sau khi trừ đi số tiền mà Tâm đã đặt cọc cho anh Hưng và 4.000.000đ tiền cước xe vận chuyển. Tổng số tiền Lê Lương T chiếm đoạt là 31.000.000đ (Ba mốt triệu đồng).

Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận Lê Lương T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 140 BLHS.

Xét tính chất mức độ hành vi và hậu quả thấy rằng: Hiện nay trên địa bàn huyện Tĩnh Gia nói chung, tình trạng lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản đang diễn ra khá phức tạp và có chiều hướng gia tăng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, làm cho nhân dân trên địa bàn hoang mang lo sợ. Vì vậy cần phải tuyên cho bị cáo một hình phạt thật nghiêm mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân của hai bị cáo thấy rằng:

Bị cáo có nhân thân xấu, năm 2007 từng bị bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội "Đánh bạc"; ngày 18/8/2017 bị công an thành phố T khởi tố bị can bề tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Do đó cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Do đó, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS, lượng giảm một phần hình phạt để bị cáo thấy được tính khoan hồng của pháp luật.

Đối với hành vi của Nguyễn Văn G. Quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung, yêu cầu khởi tố Nguyễn Văn G về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản. Nhưng cơ quan điều tra không khởi tố. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xử lý đối với Nguyễn Văn G.

Xét về phần hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Xét về vật chứng và bồi thường dân sự:

- Cơ quan CSĐT Công an huyện Tĩnh Gia đã thu giữ và trả lại cho anh Nguyễn Văn H hai máy ô tô HiNo. Ngày 15/5/2017 Lê Lương T và Nguyễn Văn H đã thỏa thuận là anh Nguyễn Văn H trả lại cho Lê Lương T 30.000.000đ

tiền đặt cọc và anh Nguyễn Văn H chịu tiền cước xe vận chuyển và không yêu cầu bồi thường gì thêm. Do đó hội đồng xét xử miễn xét.

- Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, loại RM 1035, bên trong lắp sim điện thoại 0964.505.315, số Imei 1: 355772060147001, số Imei 2: 355772060147019 của Lê Lương T đang bị thu giữ tại kho chi cục Thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia , theo phiếu nhập kho số NK2017/95 ngày 30/8/2017. Đây là chiếc điện thoại mà bị cáo dùng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần phải áp dụng điểm a khoản 1 điều 41 BLHS và điểm a khoản 2 điều 76 BLTTHS tịch thu chiếc điện thoại trên để sung quỹ nhà nước.

Xét về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 BLTTHS; Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Lê Lương T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng: Khoản 1 Điều 140; điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 BLHS.

Xử phạt: Lê Lương T 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/7/2017.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 điều 41 BLHS và điểm a khoản 2 điều 76 BLTTHS.

Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, loại RM 1035, bên trong lắp sim điện thoại 0964.505.315, số Imei 1: 355772060147001, số Imei 2: 355772060147019 của Lê Lương T đang bị thu giữ tại kho chi cục Thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia , theo phiếu nhập kho số NK2017/95 ngày 30/8/2017

Án phí: Áp dụng Điều 99 BLTTHS; Điều 3; khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án, buộc Lê Lương T phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo, vắng mặt người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND Huyện Tĩnh Gia;
- THADS Huyện Tĩnh Gia;
- Lưu: HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Bắc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN		**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Văn Tòng	**Hồ Văn Dũng**	**Nguyễn Văn Bắc**